

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Viên.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.
2. Ông Hoàng Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn U, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ liên hệ: Số 19A, đường số 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 7, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021; bản tự khai ngày 25/10/2021 nguyên đơn là anh Trần Văn U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2017. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Vì những điều này mà hạnh phúc gia đình rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh và chị T đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không hàn gắn được nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh nhận thấy

không còn tình cảm với chị T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về con chung: Anh U khai anh và chị Nguyễn Thị Ánh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh U và chị Nguyễn Thị Ánh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh T: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 266/2021/TB-TLVA ngày 28 tháng 5 năm 2021 cho chị T nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Chị Nguyễn Thị Ánh T không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó chị T không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa anh U và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh U là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh U.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Văn U chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh T hiện cư trú tại ấp 7, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Văn U yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh Trần Văn U là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Ánh T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Trần Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh U và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh U: Anh U xin ly hôn với lý do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa; vợ chồng đã không còn tôn trọng và yêu thương nhau. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh U và chị T thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Qua xem xét lời trình bày của anh U, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh U và chị T thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị T không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện chị T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh U và chị T đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh U, giải quyết cho anh U được ly hôn với chị T theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Trần Văn U chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn U. Anh Trần Văn U được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh T.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Anh Trần Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000

đồng tạm ứng án phí anh U đã nộp theo biên lai số 0005981 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh U đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn U và chị Nguyễn Thị Ánh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- (GCNKH số 40, ngày 15/3/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

